SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**Môn thi: HÓA HỌC 12 – BAN KHTN**
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU	*Thời gian làm bài: 45 phút*
MÃ ĐỀ: 125	*(Không tính thời gian phát đề)*

(Đề gồm 4 trang)

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ag=108.

Câu 1. Khi cho 240,3 kg chất béo trung tính, phản ứng vừa đủ với 162 kg dung dịch NaOH 20%, giả sử phản ứng hoàn toàn. Khối lượng xà phòng thu được là:

A. 260,82 kg. **B.** 226,26 kg.
C. 247,86 kg. **D.** 198,18 kg.

Câu 2. Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông nõn. Công thức của xenlulozơ là

A. $C_6H_{12}O_6$. **B.** C_2H_5OH.
C. $(C_6H_{10}O_5)_n$. **D.** $C_{12}H_{22}O_{11}$.

Câu 3. Đun nóng este CH_2=CH-$COOC_2H_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch KOH sản phẩm thu được.

A. C_2H_5COOK và CH_3CHO. **B.** C_2H_5COOK và CH_2=CH-OH.
C. C_2H_5COOK và C_2H_5OH. **D.** CH_2=CH-COOK và C_2H_5OH.

Câu 4. Tỉ khối hơi của một este X so với không khí là 3,034. Số đồng phân của X là:

A. 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 5.

Câu 5. Hợp chất CH_3COO-C_6H_5 có tên gọi là:

A. Metyl phenolat. **B.** Phenyl axetat.
C. Metyl benzoat. **D.** Benzyl axetat.

Câu 6. Từ m kg mùn cưa chứa 40% xenlulozơ (còn lại là tạp chất trơ) sản xuất được 108 kg glucozơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 60%. Giá trị của m là:

A. 202,5 kg. **B.** 121,5 kg. **C.** 28,0 kg. **D.** 405,0 kg.

Câu 7. Đun 9,0 gam CH_3COOH với C_2H_5OH dư (xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được 10,56 gam $CH_3COOC_2H_5$. Hiệu suất của phản ứng este hoá tính theo axit là:

A. 20%. **B.** 50%. **C.** 75%. **D.** 80%.

Câu 8. Dưới tác dụng của ánh sáng mặt trời, chất diệp lục trong cây xanh tổng hợp tinh bột từ

A. CO_2 và N_2. **B.** H_2 và N_2.
C. CO_2 và H_2O. **D.** O_2 và H_2O.

Câu 9. Tristearin có công thức là

A. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **B.** $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.
C. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.

Câu 10. Số nguyên tử hiđro trong phân tử saccarozơ là:

A. 6. **B.** 10. **C.** 22. **D.** 12.

Câu 11. Cho các phát biểu sau về cacbohiđrat

(1) Fructozơ có phản ứng tráng bạc, chứng tỏ phân tử fructozơ có nhóm -CHO.
(2) Glucozơ được điều chế bằng cách thuỷ phân tinh bột nhờ xúc tác HCl hoặc enzim.

(3) Amilopectin có mạch cacbon không phân nhánh.

(4) Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.

(5) Xenlulozơ không phản ứng với $Cu(OH)_2$ nhưng tan được trong dung dịch nước Svayde.

Số phát biểu **không** đúng là:

A. 3. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 12. Cho các chất: C_2H_5COOH (1); $HCOOCH_3$ (2); C_2H_5OH (3); CH_3COOH (4). Dãy nào sau đây xếp đúng theo chiều nhiệt độ sôi giảm dần?

A. (1) – (4) – (3) – (2). **B.** (2) – (3) – (4) – (1).

C. (4) – (1) – (3) – (2). **D.** (1) – (4) – (2) – (3).

Câu 13. Khi bị ốm, mất sức, nhiều người bệnh thường được truyền dịch đường để bổ sung nhanh năng lượng. Chất trong dịch truyền có tác dụng trên là:

A. Saccarozơ. **B.** Xenlulozơ.

C. Glucozơ. **D.** Fructozơ.

Câu 14. Cacbohidrat thuộc loại hợp chất hữu cơ nào sau đây?

A. Hợp chất tạp chức. **B.** Hợp chất đa chức.

C. Este đa chức. **D.** Hợp chất đơn chức.

Câu 15. Trong công nghiệp, để biến một số dầu thành mỡ rắn hoặc bơ nhân tạo ta thực hiện quá trình:

A. Cô cạn ở nhiệt độ cao. **B.** Hiđro hoá.

C. Xà phòng hoá. **D.** Làm lạnh.

Câu 16. Quá trình thuỷ phân tinh bột bằng enzim thu được sản phẩm cuối cùng là:

A. $\alpha -$ fructozơ. **B.** $\beta -$ fructozơ.

C. $\beta -$ glucozơ. **D.** $\alpha -$ glucozơ.

Câu 17. Thuỷ phân hoàn toàn este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ trong môi trường axit thu được ancol etylic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $HCOOC_2H_5$.

C. $HCOOC_3H_7$. **D.** $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 18. Thể tích dung dịch HNO_3 60% (khối lượng riêng là 1,5 g/ml) cần dùng để tác dụng với xenlulozơ tạo thành 89,1 kg xenlulozơ trinitrat là (biết lượng HNO_3 bị hao hụt là 25%)

A. 47 lít. **B.** 84 lít. **C.** 70 lít. **D.** 252 lít.

Câu 19. Chất nào sau đây là chất béo?

A. Glucozơ. **B.** Etyl axetat.

C. Glixerol. **D.** Tristearin.

Câu 20. Đun nóng lipit cần dùng vừa đủ 15,12 gam KOH nguyên chất, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng glixerol thu được là:

A. 8,28 kg. **B.** 24,84 kg. **C.** 34,78 kg. **D.** 11,59 kg.

Câu 21. Xà phòng hoá hoàn toàn 2,072 gam hỗn hợp gồm 2 este $HCOOC_2H_5$ và CH_3COOCH_3 bằng V ml dung dịch NaOH 0,2M (đun nóng). Giá trị của V là:

A. 0,28. **B.** 280. **C.** 0,14 **D.** 140.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

A. Chất béo chứa chủ yếu các gốc no của axit béo thường là chất rắn ở nhiệt độ phòng.

B. Chất béo không tan trong nước, nặng hơn nước nhưng tan trong dung môi hữu cơ.

C. Xà phòng có thể được điều chế bằng cách thuỷ phân mỡ trong kiềm ở nhiệt độ thích hợp.

D. Phản ứng thuỷ phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.

Câu 23. Ở nhiệt độ thường, glucozơ phản ứng với $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm tạo thành dung dịch có màu

A. xanh lam. **B.** vàng. **C.** tím. **D.** da cam.

Câu 24. Cho 25,2 gam glucozơ tham gia phản ứng tráng bạc (hiệu suất 100%) thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 10,8 gam. **B.** 45,36 gam.

C. 30,24 gam. **D.** 15,12 gam.

Câu 25. Cặp chất nào sau đây đều có khả năng thuỷ phân trong môi trường axit, đun nóng?

A. Glucozơ và saccarozơ. **B.** Glucozơ và fructozơ.

C. Fructozơ và tinh bột. **D.** Saccarozơ và xenlulozơ.

Câu 26. Polisaccarit X là chất rắn, màu trắng, dạng sợi. Trong bông nõn có gần 98% chất X. Thuỷ phân X, thu được monosaccarit Y. Cho Y phản ứng với khí H_2 (xúc tác Ni, t^o) thu được chất hữu cơ Z. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Phân tử khối của Z là 342. **B.** X dễ tan trong nước.

C. Y không làm mất màu dung dịch brom. **D.** Y có phản ứng tráng bạc.

Câu 27. Cho 6,6 gam este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH sau khi phản ứng hoàn toàn thu được 6,15 gam muối của một axit hữu cơ. Công thức của X là:

A. $CH_3COOCH=CH_2$. **B.** $CH_2=CH-COOCH_3$.

C. $C_2H_5COOCH_3$. **D.** $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 28. Công thức của etyl axetat là:

A. $CH_2=CHCOOCH_3$. **B.** $CH_3COOCH=CH_2$.

C. $CH_3COOC_2H_5$. **D.** $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 29. Loại thực phẩm chứa nhiều fructozơ là

A. mạch nha. **B.** nho. **C.** mật ong. **D.** mật mía.

Câu 30. Xà phòng hoá hoàn toàn 10,56 gam etyl axetat bằng một lượng KOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch thu được m gam muối khan. Giá trị của m là:

A. 11,76 gam. **B.** 9,84 gam.

C. 11,52 gam. **D.** 13,44 gam.

Câu 31. Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành khí CO_2 và

A. HCOOH. **B.** C_2H_5OH. **C.** CH_3COOH. **D.** CH_3OH.

Câu 32. Đốt cháy hoàn toàn 17,76 gam este X, thu được 0,72 mol CO_2 và 0,72 mol H_2O. Công thức phân tử của X là:

A. $C_3H_6O_2$. **B.** $C_4H_8O_2$. **C.** $C_5H_{10}O_2$. **D.** $C_2H_4O_2$.

Câu 33. Phản ứng điều chế etyl axetat từ axit axetic và ancol etylic được gọi là phản ứng:

A. Xà phòng hoá. **B.** Lên men.

C. Trùng hợp. **D.** Este hoá.

Câu 34. Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic. Khí sinh ra cho vào nước vôi trong dư thu được 64 gam kết tủa, biết hiệu suất quá trình lên men đạt 60%. Giá trị m là

A. 72 gam. **B.** 96 gam. **C.** 192 gam. **D.** 54 gam.

Câu 35. Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhóm -CH=O, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với:

A. $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3, đun nóng. **B.** Kim loại Na.

C. Anhiđrit axetic. **D.** $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường.

Câu 36. X là một cacbohidrat phổ biến, được sử dụng làm nguyên liệu để điều chế thuốc nổ, tơ axetat, tơ visco. Trong công nghiệp, X là nguyên liệu để điều chế glucozơ. X là:

A. Xenlulozơ. **B.** Tinh bột.

C. Fructozơ. **D.** Saccarozơ.

Câu 37. Cho sơ đồ phản ứng: Thuốc súng không khói ← X → Y → Sobitol. X, Y lần lượt là:

A. saccarozơ, fructozơ. **B.** tinh bột, etanol.

C. xenlulozơ, glucozơ. **D.** xenlulozơ, fructozơ.

Câu 38. Ở điều kiện thích hợp, hai chất phản ứng với nhau tạo thành benzyl axetat là:

A. C_6H_5COOH và CH_3OH. **B.** $C_6H_5CH_2COOH$ và CH_3OH.

C. CH_3COOH và C_6H_5OH. **D.** CH_3COOH và $C_6H_5CH_2OH$.

Câu 39. Khi xà phòng hoá triolein ta thu được sản phẩm là:

A. $C_{17}H_{33}COONa$ và glixerol. **B.** $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol.

C. $C_{17}H_{33}COOH$ và glixerol. **D.** $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol.

Câu 40. Cho biết chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Saccarozơ. **B.** Glucozơ.

C. Xenlulozơ. **D.** Fructozơ.

----HẾT----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:…… Số báo danh:……

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**Môn thi: HÓA HỌC 12 – BAN KHTN**
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU	*Thời gian làm bài: 45 phút*
MÃ ĐỀ: 126	*(Không tính thời gian phát đề)*

(Đề gồm 4 trang)

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ag=108.

Câu 1. Ở nhiệt độ thường, glucozơ phản ứng với $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm tạo thành dung dịch có màu

A. tím. **B.** da cam. **C.** vàng. **D.** xanh lam.

Câu 2. Cho biết chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Xenlulozơ. **B.** Glucozơ.

C. Saccarozơ. **D.** Fructozơ.

Câu 3. Số nguyên tử hiđro trong phân tử saccarozơ là:

A. 6. **B.** 12. **C.** 10. **D.** 22.

Câu 4. Khi cho 240,3 kg chất béo trung tính, phản ứng vừa đủ với 162 kg dung dịch NaOH 20%, giả sử phản ứng hoàn toàn. Khối lượng xà phòng thu được là:

A. 247,86 kg. **B.** 226,26 kg.

C. 260,82 kg. **D.** 198,18 kg.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

A. Chất béo chứa chủ yếu các gốc no của axit béo thường là chất rắn ở nhiệt độ phòng.

B. Phản ứng thuỷ phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.

C. Xà phòng có thể được điều chế bằng cách thuỷ phân mỡ trong kiềm ở nhiệt độ thích hợp.

D. Chất béo không tan trong nước, nặng hơn nước nhưng tan trong dung môi hữu cơ.

Câu 6. Từ m kg mùn cưa chứa 40% xenlulozơ (còn lại là tạp chất trơ) sản xuất được 108 kg glucozơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 60%. Giá trị của m là:

A. 28,0 kg. **B.** 405,0 kg. **C.** 202,5 kg. **D.** 121,5 kg.

Câu 7. Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic. Khí sinh ra cho vào nước vôi trong dư thu được 64 gam kết tủa, biết hiệu suất quá trình lên men đạt 60%. Giá trị m là

A. 192 gam. **B.** 72 gam. **C.** 96 gam. **D.** 54 gam.

Câu 8. Công thức của etyl axetat là:

A. $CH_3COOCH=CH_2$. **B.** $CH_3COOC_2H_5$.

C. $C_2H_5COOCH_3$. **D.** $CH_2=CHCOOCH_3$.

Câu 9. Thể tích dung dịch HNO_3 60% (khối lượng riêng là 1,5 g/ml) cần dùng để tác dụng với xenlulozơ tạo thành 89,1 kg xenlulozơ trinitrat là (biết lượng HNO_3 bị hao hụt là 25%)

A. 252 lít. **B.** 47 lít. **C.** 70 lít. **D.** 84 lít.

Câu 10. Đun nóng lipit cần dùng vừa đủ 15,12 gam KOH nguyên chất, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng glixerol thu được là:

A. 24,84 kg. **B.** 11,59 kg. **C.** 8,28 kg. **D.** 34,78 kg.

Câu 11. Quá trình thuỷ phân tinh bột bằng enzim thu được sản phẩm cuối cùng là:

A. α – glucozơ. **B.** β – fructozơ.
C. β – glucozơ. **D.** α – fructozơ.

Câu 12. Thuỷ phân hoàn toàn este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ trong môi trường axit thu được ancol etylic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_5COOCH_3$.
C. $HCOOC_2H_5$. **D.** $HCOOC_3H_7$.

Câu 13. Khi xà phòng hoá triolein ta thu được sản phẩm là:

A. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol. **B.** $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol.
C. $C_{17}H_{33}COONa$ và glixerol. **D.** $C_{17}H_{33}COOH$ và glixerol.

Câu 14. Cho 6,6 gam este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH sau khi phản ứng hoàn toàn thu được 6,15 gam muối của một axit hữu cơ. Công thức của X là:

A. $CH_3COOCH=CH_2$. **B.** $C_2H_5COOCH_3$.
C. $CH_2=CH-COOCH_3$. **D.** $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 15. Chất nào sau đây là chất béo?

A. Glucozơ. **B.** Etyl axetat.
C. Tristearin. **D.** Glixerol.

Câu 16. Cho 25,2 gam glucozơ tham gia phản ứng tráng bạc (hiệu suất 100%) thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 30,24 gam. **B.** 15,12 gam.
C. 45,36 gam. **D.** 10,8 gam.

Câu 17. Cho các chất: C_2H_5COOH (1); $HCOOCH_3$ (2); C_2H_5OH (3); CH_3COOH (4). Dãy nào sau đây xếp đúng theo chiều nhiệt độ sôi giảm dần?

A. (2) – (3) – (4) – (1). **B.** (1) – (4) – (2) – (3).
C. (1) – (4) – (3) – (2). **D.** (4) – (1) – (3) – (2).

Câu 18. Cacbohidrat thuộc loại hợp chất hữu cơ nào sau đây?

A. Hợp chất tạp chức. **B.** Este đa chức.
C. Hợp chất đơn chức. **D.** Hợp chất đa chức.

Câu 19. Polisaccarit X là chất rắn, màu trắng, dạng sợi. Trong bông nõn có gần 98% chất X. Thuỷ phân X, thu được monosaccarit Y. Cho Y phản ứng với khí H_2 (xúc tác Ni, t^o) thu được chất hữu cơ Z. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Y không làm mất màu dung dịch brom. **B.** X dễ tan trong nước.
C. Y có phản ứng tráng bạc. **D.** Phân tử khối của Z là 342.

Câu 20. Hợp chất $CH_3COO-C_6H_5$ có tên gọi là:

A. Benzyl axetat. **B.** Phenyl axetat.
C. Metyl benzoat. **D.** Metyl phenolat.

Câu 21. Trong công nghiệp, để biến một số dầu thành mỡ rắn hoặc bơ nhân tạo ta thực hiện quá trình:

A. Cô cạn ở nhiệt độ cao. **B.** Xà phòng hoá.
C. Làm lạnh. **D.** Hiđro hoá.

Câu 22. Tỉ khối hơi của một este X so với không khí là 3,034. Số đồng phân của X là:

A. 3. **B.** 5. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 23. Phản ứng điều chế etyl axetat từ axit axetic và ancol etylic được gọi là phản ứng:

A. Lên men. **B.** Trùng hợp.

C. Xà phòng hoá. **D.** Este hoá.

Câu 24. Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhóm -CH=O, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với:

A. Anhiđrit axetic. **B.** Kim loại Na.

C. $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường. **D.** $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3, đun nóng.

Câu 25. Xà phòng hoá hoàn toàn 10,56 gam etyl axetat bằng một lượng KOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch thu được m gam muối khan. Giá trị của m là:

A. 11,76 gam. **B.** 13,44 gam.

C. 9,84 gam. **D.** 11,52 gam.

Câu 26. Dưới tác dụng của ánh sáng mặt trời, chất diệp lục trong cây xanh tổng hợp tinh bột từ

A. O_2 và H_2O. **B.** CO_2 và N_2.

C. CO_2 và H_2O. **D.** H_2 và N_2.

Câu 27. Đun 9,0 gam CH_3COOH với C_2H_5OH dư (xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được 10,56 gam $CH_3COOC_2H_5$. Hiệu suất của phản ứng este hoá tính theo axit là:

A. 20%. **B.** 80%. **C.** 50%. **D.** 75%.

Câu 28. Ở điều kiện thích hợp, hai chất phản ứng với nhau tạo thành benzyl axetat là:

A. CH_3COOH và $C_6H_5CH_2OH$. **B.** CH_3COOH và C_6H_5OH.

C. C_6H_5COOH và CH_3OH. **D.** $C_6H_5CH_2COOH$ và CH_3OH.

Câu 29. Loại thực phẩm chứa nhiều fructozơ là

A. mạch nha. **B.** nho. **C.** mật ong. **D.** mật mía.

Câu 30. Xà phòng hoá hoàn toàn 2,072 gam hỗn hợp gồm 2 este $HCOOC_2H_5$ và CH_3COOCH_3 bằng V ml dung dịch NaOH 0,2M (đun nóng). Giá trị của V là:

A. 280. **B.** 0,14 **C.** 0,28. **D.** 140.

Câu 31. X là một cacbohidrat phổ biến, được sử dụng làm nguyên liệu để điều chế thuốc nổ, tơ axetat, tơ visco. Trong công nghiệp, X là nguyên liệu để điều chế glucozơ. X là:

A. Fructozơ. **B.** Saccarozơ.

C. Xenlulozơ. **D.** Tinh bột.

Câu 32. Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành khí CO_2 và

A. C_2H_5OH. **B.** HCOOH. **C.** CH_3COOH. **D.** CH_3OH.

Câu 33. Đốt cháy hoàn toàn 17,76 gam este X, thu được 0,72 mol CO_2 và 0,72 mol H_2O. Công thức phân tử của X là:

A. $C_4H_8O_2$. **B.** $C_3H_6O_2$. **C.** $C_5H_{10}O_2$. **D.** $C_2H_4O_2$.

Câu 34. Khi bị ốm, mất sức, nhiều người bệnh thường được truyền dịch đường để bổ sung nhanh năng lượng. Chất trong dịch truyền có tác dụng trên là:

A. Fructozơ. **B.** Glucozơ.

C. Saccarozơ. **D.** Xenlulozơ.

Câu 35. Đun nóng este $CH_2=CH-COOC_2H_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch KOH sản phẩm thu được.

A. C_2H_5COOK và $CH_2=CH-OH$. **B.** C_2H_5COOK và CH_3CHO.

C. $CH_2=CH-COOK$ và C_2H_5OH. **D.** C_2H_5COOK và C_2H_5OH.

Câu 36. Cho các phát biểu sau về cacbohiđrat

(1) Fructozơ có phản ứng tráng bạc, chứng tỏ phân tử fructozơ có nhóm -CHO.

(2) Glucozơ được điều chế bằng cách thuỷ phân tinh bột nhờ xúc tác HCl hoặc enzim.

(3) Amilopectin có mạch cacbon không phân nhánh.

(4) Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.

(5) Xenlulozơ không phản ứng với $Cu(OH)_2$ nhưng tan được trong dung dịch nước Svayde.

Số phát biểu **không** đúng là:

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 37. Cặp chất nào sau đây đều có khả năng thuỷ phân trong môi trường axit, đun nóng?

A. Glucozơ và saccarozơ. **B.** Fructozơ và tinh bột.

C. Glucozơ và fructozơ. **D.** Saccarozơ và xenlulozơ.

Câu 38. Tristearin có công thức là

A. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **B.** $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.

C. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.

Câu 39. Cho sơ đồ phản ứng: Thuốc súng không khói ← X → Y → Sobitol. X, Y lần lượt là:

A. xenlulozơ, glucozơ. **B.** tinh bột, etanol.

C. saccarozơ, fructozơ. **D.** xenlulozơ, fructozơ.

Câu 40. Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông nõn. Công thức của xenlulozơ là

A. $C_{12}H_{22}O_{11}$. **B.** $C_6H_{12}O_6$.

C. C_2H_5OH. **D.** $(C_6H_{10}O_5)_n$.

----HẾT----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:…… Số báo danh:……

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**Môn thi: HÓA HỌC 12 – BAN KHTN**
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU	*Thời gian làm bài: 45 phút*
MÃ ĐỀ: 127	*(Không tính thời gian phát đề)*

(Đề gồm 4 trang)

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ag=108.

Câu 1. Phản ứng điều chế etyl axetat từ axit axetic và ancol etylic được gọi là phản ứng:

A. Este hoá. **B.** Xà phòng hoá.
C. Lên men. **D.** Trùng hợp.

Câu 2. Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic. Khí sinh ra cho vào nước vôi trong dư thu được 64 gam kết tủa, biết hiệu suất quá trình lên men đạt 60%. Giá trị m là

A. 96 gam. **B.** 72 gam. **C.** 192 gam. **D.** 54 gam.

Câu 3. Đun nóng lipit cần dùng vừa đủ 15,12 gam KOH nguyên chất, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng glixerol thu được là:

A. 24,84 kg. **B.** 8,28 kg. **C.** 34,78 kg. **D.** 11,59 kg.

Câu 4. Đun 9,0 gam CH_3COOH với C_2H_5OH dư (xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được 10,56 gam $CH_3COOC_2H_5$. Hiệu suất của phản ứng este hoá tính theo axit là:

A. 80%. **B.** 20%. **C.** 50%. **D.** 75%.

Câu 5. Khi xà phòng hoá triolein ta thu được sản phẩm là:

A. $C_{17}H_{33}COOH$ và glixerol. **B.** $C_{17}H_{33}COONa$ và glixerol.
C. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol. **D.** $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

A. Xà phòng có thể được điều chế bằng cách thuỷ phân mỡ trong kiềm ở nhiệt độ thích hợp.
B. Phản ứng thuỷ phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
C. Chất béo không tan trong nước, nặng hơn nước nhưng tan trong dung môi hữu cơ.
D. Chất béo chứa chủ yếu các gốc no của axit béo thường là chất rắn ở nhiệt độ phòng.

Câu 7. Chất nào sau đây là chất béo?

A. Glixerol. **B.** Etyl axetat.
C. Tristearin. **D.** Glucozơ.

Câu 8. Từ m kg mùn cưa chứa 40% xenlulozơ (còn lại là tạp chất trơ) sản xuất được 108 kg glucozơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 60%. Giá trị của m là:

A. 405,0 kg. **B.** 28,0 kg. **C.** 202,5 kg. **D.** 121,5 kg.

Câu 9. Cho các chất: C_2H_5COOH (1); $HCOOCH_3$ (2); C_2H_5OH (3); CH_3COOH (4). Dãy nào sau đây xếp đúng theo chiều nhiệt độ sôi giảm dần?

A. (2) – (3) – (4) – (1). **B.** (1) – (4) – (3) – (2).
C. (4) – (1) – (3) – (2). **D.** (1) – (4) – (2) – (3).

Câu 10. Thuỷ phân hoàn toàn este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ trong môi trường axit thu được ancol etylic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

A. $C_2H_5COOCH_3$. **B.** $CH_3COOC_2H_5$.

C. $HCOOC_3H_7$. **D.** $HCOOC_2H_5$.

Câu 11. Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhóm -CH=O, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với:

A. Anhiđrit axetic. **B.** Kim loại Na.

C. $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3, đun nóng. **D.** $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường.

Câu 12. Khi cho 240,3 kg chất béo trung tính, phản ứng vừa đủ với 162 kg dung dịch NaOH 20%, giả sử phản ứng hoàn toàn. Khối lượng xà phòng thu được là:

A. 247,86 kg. **B.** 226,26 kg.

C. 198,18 kg. **D.** 260,82 kg.

Câu 13. Cho biết chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Glucozơ. **B.** Xenlulozơ.

C. Fructozơ. **D.** Saccarozơ.

Câu 14. Xà phòng hoá hoàn toàn 10,56 gam etyl axetat bằng một lượng KOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch thu được m gam muối khan. Giá trị của m là:

A. 9,84 gam. **B.** 11,76 gam.

C. 11,52 gam. **D.** 13,44 gam.

Câu 15. Trong công nghiệp, để biến một số dầu thành mỡ rắn hoặc bơ nhân tạo ta thực hiện quá trình:

A. Hiđro hoá. **B.** Làm lạnh.

C. Cô cạn ở nhiệt độ cao. **D.** Xà phòng hoá.

Câu 16. Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông nõn. Công thức của xenlulozơ là

A. $(C_6H_{10}O_5)_n$. **B.** $C_{12}H_{22}O_{11}$.

C. $C_6H_{12}O_6$. **D.** C_2H_5OH.

Câu 17. Công thức của etyl axetat là:

A. $CH_2=CHCOOCH_3$. **B.** $CH_3COOCH=CH_2$.

C. $C_2H_5COOCH_3$. **D.** $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 18. Loại thực phẩm chứa nhiều fructozơ là

A. nho. **B.** mật mía. **C.** mạch nha. **D.** mật ong.

Câu 19. Tỉ khối hơi của một este X so với không khí là 3,034. Số đồng phân của X là:

A. 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 5.

Câu 20. Số nguyên tử hiđro trong phân tử saccarozơ là:

A. 22. **B.** 10. **C.** 6. **D.** 12.

Câu 21. Cho các phát biểu sau về cacbohiđrat

(1) Fructozơ có phản ứng tráng bạc, chứng tỏ phân tử fructozơ có nhóm -CHO.

(2) Glucozơ được điều chế bằng cách thuỷ phân tinh bột nhờ xúc tác HCl hoặc enzim.

(3) Amilopectin có mạch cacbon không phân nhánh.

(4) Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.

(5) Xenlulozơ không phản ứng với $Cu(OH)_2$ nhưng tan được trong dung dịch nước Svayde.

Số phát biểu **không** đúng là:

A. 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 22. Đun nóng este $CH_2=CH-COOC_2H_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch KOH sản phẩm thu được

A. C_2H_5COOK và C_2H_5OH.
B. $CH_2=CH-COOK$ và C_2H_5OH.
C. C_2H_5COOK và CH_3CHO.
D. C_2H_5COOK và $CH_2=CH-OH$.

Câu 23. Cacbohidrat thuộc loại hợp chất hữu cơ nào sau đây?

A. Hợp chất tạp chức.
B. Este đa chức.
C. Hợp chất đơn chức.
D. Hợp chất đa chức.

Câu 24. Cho 6,6 gam este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH sau khi phản ứng hoàn toàn thu được 6,15 gam muối của một axit hữu cơ. Công thức của X là:

A. $CH_2=CH-COOCH_3$.
B. $CH_3COOC_2H_5$.
C. $CH_3COOCH=CH_2$.
D. $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 25. Quá trình thuỷ phân tinh bột bằng enzim thu được sản phẩm cuối cùng là:

A. $\alpha-$ fructozơ.
B. $\beta-$ glucozơ.
C. $\beta-$ fructozơ.
D. $\alpha-$ glucozơ.

Câu 26. Thể tích dung dịch HNO_3 60% (khối lượng riêng là 1,5 g/ml) cần dùng để tác dụng với xenlulozơ tạo thành 89,1 kg xenlulozơ trinitrat là (biết lượng HNO_3 bị hao hụt là 25%)

A. 70 lít.
B. 47 lít.
C. 84 lít.
D. 252 lít.

Câu 27. Xà phòng hoá hoàn toàn 2,072 gam hỗn hợp gồm 2 este $HCOOC_2H_5$ và CH_3COOCH_3 bằng V ml dung dịch NaOH 0,2M (đun nóng). Giá trị của V là:

A. 140.
B. 0,14
C. 0,28.
D. 280.

Câu 28. Cho sơ đồ phản ứng: Thuốc súng không khói ← X → Y → Sobitol. X, Y lần lượt là:

A. xenlulozơ, glucozơ.
B. tinh bột, etanol.
C. xenlulozơ, fructozơ.
D. saccarozơ, fructozơ.

Câu 29. Cho 25,2 gam glucozơ tham gia phản ứng tráng bạc (hiệu suất 100%) thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 15,12 gam.
B. 30,24 gam.
C. 45,36 gam.
D. 10,8 gam.

Câu 30. Hợp chất $CH_3COO-C_6H_5$ có tên gọi là:

A. Benzyl axetat.
B. Metyl benzoat.
C. Phenyl axetat.
D. Metyl phenolat.

Câu 31. Dưới tác dụng của ánh sáng mặt trời, chất diệp lục trong cây xanh tổng hợp tinh bột từ

A. O_2 và H_2O.
B. CO_2 và N_2.
C. CO_2 và H_2O.
D. H_2 và N_2.

Câu 32. X là một cacbohidrat phổ biến, được sử dụng làm nguyên liệu để điều chế thuốc nổ, tơ axetat, tơ visco. Trong công nghiệp, X là nguyên liệu để điều chế glucozơ. X là:

A. Tinh bột.
B. Saccarozơ.
C. Fructozơ.
D. Xenlulozơ.

Câu 33. Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành khí CO_2 và

A. HCOOH.
B. C_2H_5OH.
C. CH_3OH.
D. CH_3COOH.

Câu 34. Tristearin có công thức là

A. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$.
B. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.

C. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$.

Câu 35. Khi bị ốm, mất sức, nhiều người bệnh thường được truyền dịch đường để bổ sung nhanh năng lượng. Chất trong dịch truyền có tác dụng trên là:

A. Saccarozơ. **B.** Glucozơ.

C. Fructozơ. **D.** Xenlulozơ.

Câu 36. Đốt cháy hoàn toàn 17,76 gam este X, thu được 0,72 mol CO_2 và 0,72 mol H_2O. Công thức phân tử của X là:

A. $C_2H_4O_2$. **B.** $C_5H_{10}O_2$. **C.** $C_3H_6O_2$. **D.** $C_4H_8O_2$.

Câu 37. Ở điều kiện thích hợp, hai chất phản ứng với nhau tạo thành benzyl axetat là:

A. C_6H_5COOH và CH_3OH. **B.** CH_3COOH và C_6H_5OH.

C. CH_3COOH và $C_6H_5CH_2OH$. **D.** $C_6H_5CH_2COOH$ và CH_3OH.

Câu 38. Polisaccarit X là chất rắn, màu trắng, dạng sợi. Trong bông nõn có gần 98% chất X. Thuỷ phân X, thu được monosaccarit Y. Cho Y phản ứng với khí H_2 (xúc tác Ni, t^o) thu được chất hữu cơ Z. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Y không làm mất màu dung dịch brom. **B.** X dễ tan trong nước.

C. Y có phản ứng tráng bạc. **D.** Phân tử khối của Z là 342.

Câu 39. Ở nhiệt độ thường, glucozơ phản ứng với $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm tạo thành dung dịch có màu

A. vàng. **B.** tím. **C.** da cam. **D.** xanh lam.

Câu 40. Cặp chất nào sau đây đều có khả năng thuỷ phân trong môi trường axit, đun nóng?

A. Saccarozơ và xenlulozơ. **B.** Fructozơ và tinh bột.

C. Glucozơ và saccarozơ. **D.** Glucozơ và fructozơ.

----HẾT----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:…… Số báo danh:……

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**Môn thi: HÓA HỌC 12 – BAN KHTN**
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU	*Thời gian làm bài: 45 phút*
MÃ ĐỀ: 128	*(Không tính thời gian phát đề)*

(Đề gồm 4 trang)

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ag=108.

Câu 1. Đun 9,0 gam CH_3COOH với C_2H_5OH dư (xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được 10,56 gam $CH_3COOC_2H_5$. Hiệu suất của phản ứng este hoá tính theo axit là:

A. 50%. **B.** 75%. **C.** 80%. **D.** 20%.

Câu 2. Dưới tác dụng của ánh sáng mặt trời, chất diệp lục trong cây xanh tổng hợp tinh bột từ

A. CO_2 và H_2O. **B.** CO_2 và N_2.

C. H_2 và N_2. **D.** O_2 và H_2O.

Câu 3. Tristearin có công thức là

A. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$. **B.** $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$.

C. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.

Câu 4. Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành khí CO_2 và

A. CH_3COOH. **B.** CH_3OH. **C.** HCOOH. **D.** C_2H_5OH.

Câu 5. Khi xà phòng hoá triolein ta thu được sản phẩm là:

A. $C_{17}H_{33}COONa$ và glixerol. **B.** $C_{17}H_{33}COOH$ và glixerol.

C. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol. **D.** $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol.

Câu 6. Từ m kg mùn cưa chứa 40% xenlulozơ (còn lại là tạp chất trơ) sản xuất được 108 kg glucozơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 60%. Giá trị của m là:

A. 28,0 kg. **B.** 202,5 kg. **C.** 121,5 kg. **D.** 405,0 kg.

Câu 7. Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic. Khí sinh ra cho vào nước vôi trong dư thu được 64 gam kết tủa, biết hiệu suất quá trình lên men đạt 60%. Giá trị m là

A. 72 gam. **B.** 54 gam. **C.** 96 gam. **D.** 192 gam.

Câu 8. Cho các chất: C_2H_5COOH (1); $HCOOCH_3$ (2); C_2H_5OH (3); CH_3COOH (4). Dãy nào sau đây xếp đúng theo chiều nhiệt độ sôi giảm dần?

A. (2) – (3) – (4) – (1). **B.** (1) – (4) – (3) – (2).

C. (1) – (4) – (2) – (3). **D.** (4) – (1) – (3) – (2).

Câu 9. Quá trình thuỷ phân tinh bột bằng enzim thu được sản phẩm cuối cùng là:

A. β − fructozơ. **B.** α − fructozơ.

C. α − glucozơ. **D.** β − glucozơ.

Câu 10. Ở nhiệt độ thường, glucozơ phản ứng với $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm tạo thành dung dịch có màu

A. da cam. **B.** tím. **C.** xanh lam. **D.** vàng.

Câu 11. X là một cacbohidrat phổ biến, được sử dụng làm nguyên liệu để điều chế thuốc nổ, tơ axetat, tơ visco. Trong công nghiệp, X là nguyên liệu để điều chế glucozơ. X là:

A. Fructozơ. **B.** Tinh bột.

C. Saccarozơ. **D.** Xenlulozơ.

Câu 12. Công thức của etyl axetat là:

A. $C_2H_5COOCH_3$. **B.** $CH_2=CHCOOCH_3$.

C. $CH_3COOCH=CH_2$. **D.** $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 13. Cho các phát biểu sau về cacbohiđrat

(1) Fructozơ có phản ứng tráng bạc, chứng tỏ phân tử fructozơ có nhóm -CHO.

(2) Glucozơ được điều chế bằng cách thuỷ phân tinh bột nhờ xúc tác HCl hoặc enzim.

(3) Amilopectin có mạch cacbon không phân nhánh.

(4) Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.

(5) Xenlulozơ không phản ứng với $Cu(OH)_2$ nhưng tan được trong dung dịch nước Svayde.

Số phát biểu **không** đúng là:

A. 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 14. Thể tích dung dịch HNO_3 60% (khối lượng riêng là 1,5 g/ml) cần dùng để tác dụng với xenlulozơ tạo thành 89,1 kg xenlulozơ trinitrat là (biết lượng HNO_3 bị hao hụt là 25%)

A. 84 lít. **B.** 70 lít. **C.** 252 lít. **D.** 47 lít.

Câu 15. Cho 25,2 gam glucozơ tham gia phản ứng tráng bạc (hiệu suất 100%) thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 15,12 gam. **B.** 30,24 gam.

C. 10,8 gam. **D.** 45,36 gam.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

A. Chất béo không tan trong nước, nặng hơn nước nhưng tan trong dung môi hữu cơ.

B. Phản ứng thuỷ phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.

C. Xà phòng có thể được điều chế bằng cách thuỷ phân mỡ trong kiềm ở nhiệt độ thích hợp.

D. Chất béo chứa chủ yếu các gốc no của axit béo thường là chất rắn ở nhiệt độ phòng.

Câu 17. Hợp chất $CH_3COO-C_6H_5$ có tên gọi là:

A. Benzyl axetat. **B.** Metyl phenolat.

C. Phenyl axetat. **D.** Metyl benzoat.

Câu 18. Xà phòng hoá hoàn toàn 10,56 gam etyl axetat bằng một lượng KOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch thu được m gam muối khan. Giá trị của m là:

A. 11,52 gam. **B.** 13,44 gam.

C. 11,76 gam. **D.** 9,84 gam.

Câu 19. Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông nõn. Công thức của xenlulozơ là

A. $C_6H_{12}O_6$. **B.** $C_{12}H_{22}O_{11}$.

C. $(C_6H_{10}O_5)_n$. **D.** C_2H_5OH.

Câu 20. Phản ứng điều chế etyl axetat từ axit axetic và ancol etylic được gọi là phản ứng:

A. Lên men. **B.** Trùng hợp.

C. Xà phòng hoá. **D.** Este hoá.

Câu 21. Ở điều kiện thích hợp, hai chất phản ứng với nhau tạo thành benzyl axetat là:

A. C_6H_5COOH và CH_3OH. **B.** $C_6H_5CH_2COOH$ và CH_3OH.

C. CH_3COOH và C_6H_5OH. **D.** CH_3COOH và $C_6H_5CH_2OH$.

Câu 22. Đốt cháy hoàn toàn 17,76 gam este X, thu được 0,72 mol CO_2 và 0,72 mol H_2O. Công thức phân tử của X là:

A. $C_5H_{10}O_2$. **B.** $C_4H_8O_2$. **C.** $C_3H_6O_2$. **D.** $C_2H_4O_2$.

Câu 23. Xà phòng hoá hoàn toàn 2,072 gam hỗn hợp gồm 2 este $HCOOC_2H_5$ và CH_3COOCH_3 bằng V ml dung dịch NaOH 0,2M (đun nóng). Giá trị của V là:

A. 0,28. **B.** 280. **C.** 0,14 **D.** 140.

Câu 24. Khi cho 240,3 kg chất béo trung tính, phản ứng vừa đủ với 162 kg dung dịch NaOH 20%, giả sử phản ứng hoàn toàn. Khối lượng xà phòng thu được là:

A. 247,86 kg. **B.** 260,82 kg.

C. 198,18 kg. **D.** 226,26 kg.

Câu 25. Thuỷ phân hoàn toàn este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ trong môi trường axit thu được ancol etylic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_5COOCH_3$.

C. $HCOOC_3H_7$. **D.** $HCOOC_2H_5$.

Câu 26. Trong công nghiệp, để biến một số dầu thành mỡ rắn hoặc bơ nhân tạo ta thực hiện quá trình:

A. Làm lạnh. **B.** Hiđro hoá.

C. Xà phòng hoá. **D.** Cô cạn ở nhiệt độ cao.

Câu 27. Cho sơ đồ phản ứng: Thuốc súng không khói ← X → Y → Sobitol. X, Y lần lượt là:

A. saccarozơ, fructozơ. **B.** xenlulozơ, glucozơ.

C. tinh bột, etanol. **D.** xenlulozơ, fructozơ.

Câu 28. Cho biết chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Fructozơ. **B.** Xenlulozơ.

C. Saccarozơ. **D.** Glucozơ.

Câu 29. Đun nóng este CH_2=CH-$COOC_2H_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch KOH sản phẩm thu được

A. C_2H_5COOK và C_2H_5OH. **B.** C_2H_5COOK và CH_3CHO.

C. C_2H_5COOK và CH_2=CH-OH. **D.** CH_2=CH-COOK và C_2H_5OH.

Câu 30. Đun nóng lipit cần dùng vừa đủ 15,12 gam KOH nguyên chất, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng glixerol thu được là:

A. 24,84 kg. **B.** 11,59 kg. **C.** 34,78 kg. **D.** 8,28 kg.

Câu 31. Chất nào sau đây là chất béo?

A. Etyl axetat. **B.** Tristearin.

C. Glixerol. **D.** Glucozơ.

Câu 32. Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhóm -CH=O, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với:

A. Kim loại Na. **B.** Anhiđrit axetic.

C. $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3, đun nóng. **D.** $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường.

Câu 33. Khi bị ốm, mất sức, nhiều người bệnh thường được truyền dịch đường để bổ sung nhanh năng lượng. Chất trong dịch truyền có tác dụng trên là:

A. Glucozơ. **B.** Saccarozơ.

C. Fructozơ. **D.** Xenlulozơ.

Câu 34. Số nguyên tử hiđro trong phân tử saccarozơ là:

A. 12. **B.** 6. **C.** 22. **D.** 10.

Câu 35. Cacbohiđrat thuộc loại hợp chất hữu cơ nào sau đây?

A. Hợp chất đa chức. **B.** Hợp chất tạp chức.

C. Este đa chức. **D.** Hợp chất đơn chức.

Câu 36. Polisaccarit X là chất rắn, màu trắng, dạng sợi. Trong bông nõn có gần 98% chất X. Thuỷ phân X, thu được monosaccarit Y. Cho Y phản ứng với khí H_2 (xúc tác Ni, t^o) thu được chất hữu cơ Z. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Y không làm mất màu dung dịch brom. **B.** Phân tử khối của Z là 342.

C. Y có phản ứng tráng bạc. **D.** X dễ tan trong nước.

Câu 37. Cặp chất nào sau đây đều có khả năng thuỷ phân trong môi trường axit, đun nóng?

A. Glucozơ và fructozơ. **B.** Fructozơ và tinh bột.

C. Saccarozơ và xenlulozơ. **D.** Glucozơ và saccarozơ.

Câu 38. Tỉ khối hơi của một este X so với không khí là 3,034. Số đồng phân của X là:

A. 2. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.

Câu 39. Cho 6,6 gam este X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH sau khi phản ứng hoàn toàn thu được 6,15 gam muối của một axit hữu cơ. Công thức của X là:

A. $C_2H_5COOCH_3$. **B.** CH_2=CH-$COOCH_3$.

C. $CH_3COOCH=CH_2$. **D.** $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 40. Loại thực phẩm chứa nhiều fructozơ là

A. mật mía. **B.** mạch nha. **C.** nho. **D.** mật ong.

----------HẾT----------

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:…… Số báo danh:……

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: Hóa học 12
Ban KHTN

Câu hỏi	**Mã đề thi**			
	125	126	127	128
1	C	D	A	C
2	C	A	A	A
3	D	D	B	A
4	B	A	A	D
5	B	D	B	A
6	D	B	C	D
7	D	C	C	C
8	C	B	A	B
9	B	D	B	C
10	C	C	B	C
11	C	A	C	D
12	A	A	A	D
13	C	C	B	C
14	A	D	B	A
15	B	C	A	B
16	D	A	A	A
17	A	C	D	C
18	B	A	D	C
19	D	C	B	C
20	A	B	A	D
21	D	D	C	D
22	B	C	B	C
23	A	D	A	D
24	C	D	B	A
25	D	A	D	A
26	D	C	C	B
27	D	B	A	B
28	C	A	A	B
29	C	C	B	D
30	A	D	C	D
31	B	C	C	B
32	A	A	D	C
33	D	B	B	A
34	B	B	B	C
35	A	C	B	B
36	A	B	C	C
37	C	D	C	C
38	D	D	C	B
39	A	A	D	D

40	C	D	A	D